

Bản án số: 93/2022/HS-PT
Ngày: 15-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ
Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử P thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây N.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Ly KeAg), sinh ngày 08/5/1956, tại T phố Hồ Chí M. Hộ khẩu thường trú: Số 54, đường Út Tịch, phường 4, quận Tân B, T phố Hồ Chí M. Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, đường 360 (nay đường Mai Thị Nhu), ấp Xóm C, xã Tân A H, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có chồng thứ nhất: Phùng Hữu T, chồng thứ 2: Trừ Văn Đ (đã chết), sống như vợ chồng với ông Đỗ Văn H (đã chết) và 03 người con của ông Đỗ Văn H; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: là bà Nguyễn Thị Kim D – Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một T viên Đ DAh, thuộc Đoàn luật sư T phố Hồ Chí M; có mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: không.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiện P; địa chỉ: tổ 8, ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Võ Lâm T; nơi cư trú: 38/11, đường Mai Thị Nhu, ấp Xóm C, xã Tân Thông H, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Võ Lâm T, sinh năm: 1972; nơi cư trú: 38/11, đường Mai Thị Nhu, ấp Xóm C, xã Tân Thông H, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố 5, phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N; vắng mặt

+ Ông Phạm Vũ C, sinh năm 1985. Địa chỉ: B395, khu phố 1, Khu phố Long B, phường Long B, T phố Biên H, tỉnh Đồng N; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Thường, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 244, ấp B H, xã B Trinh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A; vắng mặt.

+ Ông Trịnh Công S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N; vắng mặt.

- *Người làm chứng triệu tập theo đề nghị của bị cáo Nguyễn Thị N*:

+ Ông Nguyễn Nhật B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 12, ấp Trâm Vàng 3, xã ThAh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây N; vắng mặt.

+ Ông Phạm Hữu Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 25, Nguyễn Trọng Tuyển, ấp Bến Mương, xã A Nhơn, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; vắng mặt.

+ Ông PhA Văn T, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N; có mặt.

+ Chị Đỗ Ngọc C, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ 9, đường 360, ấp Xóm C, xã Tân A H, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; vắng mặt.

+ Ah Đỗ Nguyên A, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ 9, đường 360, ấp Xóm C, xã Tân A H, huyện Củ C, T phố Hồ Chí M; vắng mặt.

+ Ông Đặng Văn N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N; vắng mặt.

+ Ông Đặng QuAg SAg, sinh năm 1968; địa chỉ: 65/21 Trần Đình Xu, phường C Kho, Quận 1, T phố Hồ Chí M; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/12/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiện P (gọi tắt: Công ty Thiện P), địa chỉ: tổ 8, ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N, do ông Trần Võ Lâm T làm giám đốc. Khi mua đất T lập Công ty ông T mua một số cây tràm vàng trên đất với số tiền 2.000.000 đồng, đến tháng 9/2017 ông T thuê người cưa cây tràm vàng, cắt ra T nhiều đoạn để trong khuôn viên của Công ty Thiện P. Năm 2009, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất phân vi sinh Phú Nông (gọi tắt: Công ty Phú Nông), địa chỉ số 02, khu phố 2, thị trấn Bến C, huyện Bến C, tỉnh Tây N do ông Trần Văn Sáng làm Chủ tịch H đồng T viên kiêm Giám đốc. Công ty Phú Nông đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 19/11/2009, do ông Đỗ Văn H làm Chủ tịch H đồng T viên (ông Đỗ Văn H là Ah ruột của ông Đỗ Văn Lâm, ông Lâm là cha vợ của ông Trần Võ Lâm T). Đến lần đăng ký thứ 3 vào ngày 13/7/2010 và các lần đăng ký sau Công ty Phú Nông có địa chỉ T sở chính tại ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N. Nguyễn Thị N sống chung như vợ chồng với ông Đỗ Văn H, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2004 tại xã

Agkor Khnol, huyện ChrAg, tỉnh Ta Keo, Vương quốc CampuCa. Trước đó ông Đỗ Văn H có vợ là bà Vũ Thu Hà, sinh năm 1958, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/1983 tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận B Thạnh, T phố Hồ Chí M và có 02 người con chung, đến ngày 28/02/2006, ông Đỗ Văn H và bà Vũ Thu Hà ly hôn theo Quyết định T tình ly hôn số: 79/2006/QĐ-VDS của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, T phố Hồ Chí M. Năm 2011, ông Đỗ Văn H có thuê nhà tại Công ty Thiện P để làm văn phòng cho Công ty Phú Nông, ngày 15/02/2013 ông Đỗ Văn H chết, không để lại di chúc. Sau khi ông Đỗ Văn H chết, Nguyễn Thị N có trAh chấp tài sản với gia đình ông Đỗ Văn Lâm, các yêu C khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định. Trong các tài sản trAh chấp với gia đình ông Lâm có Céc xe ô tô biển số: 52V-3007, đến ngày 28/01/2018 ông Lâm chết. Nguyễn Thị N thường đến văn phòng Công ty Phú Nông có nhìn thấy Céc xe ô tô biển số: 52V-3007 và gỗ tràm vàng để gần văn phòng Công ty Phú Nông đAg thuê tại Công ty Thiện P.

Khoảng 16 giờ ngày 18/6/2018, Nguyễn Thị N gọi điện thoại thuê ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1968, ngụ khu phố 5, phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N đến Công ty Thiện P để chở xe ô tô biển số: 52V-3007 và gỗ tràm vàng đến trường dạy lái xe T Đ tại ấp A B, xã A Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây N (nay là khu phố A B, phường A Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây N) với tiền công vận chuyển là 2.000.000 đồng, ông T đồng ý. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/6/2018, Nguyễn Thị N gọi điện thoại nhờ ông Phạm Vũ C, sinh năm 1985, ngụ khu phố Long B, phường Long B, T phố Biên H, tỉnh Đồng N, là con nuôi của N (theo cách xưng hô giữa 02 người) dẫn đường cho xe ô tô của ông T đi đến lấy xe ô tô biển số: 52V-3007 đem về sửa chữa và nói với ông C trước khi lấy xe ô tô biển số 52V-3007 phải báo với chính quyền địa phương, ông C đồng ý. Sau đó ông C gọi điện thoại cho ông Trịnh Công S, Công A viên phụ trách ấp B, xã Tiên T thông báo sẽ đến Công ty Thiện P lấy xe ô tô biển số: 52V-3007 về sửa chữa, ông S trả lời là đến Ủy ban nhân dân xã trình bày, ông không có thẩm quyền giải quyết. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/6/2018, ông C dẫn đường cho ông T điều khiển xe ô tô cầu và một người đàn ông tên Dũng (không xác định được nhân thân, lai lịch), là người mới quen biết và đi chung xe với ông T đến Công ty Thiện P. Khi ông C, ông T và người đàn ông tên Dũng đến Công ty Thiện P, lúc này ông Nguyễn Văn Thường là người trông giữ tài sản giúp cho ông T tại Công ty Thiện P đi ăn cơm, không còn ai trông giữ tài sản. Ông Phạm Ngọc T điều khiển xe cầu, ông Phạm Vũ C và người đàn ông tên Dũng hỗ trợ đưa xe ô tô biển số: 52V-3007 và 13 đoạn gỗ tràm vàng lên xe cầu chở đến trường dạy lái xe T Đ, khi ông Thường về phát hiện bị mất tài sản nên gọi điện thoại báo cho ông T biết việc mất xe ô tô và gỗ tràm vàng, ông T đến Công A trình báo sự việc và yêu C xử lý.

Kết luận định giá tài sản trong T tụng hình sự số: 33/KL-HĐĐG ngày 05/7/2018 của H đồng định giá huyện Bến C, tỉnh Tây N xác định 13 đoạn gỗ tràm vàng, khối lượng 3,5m³ tại thời điểm ngày 19/6/2018 có trị giá 5.250.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 13 đoạn gỗ tràm vàng có kích thước: 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,17m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 1,33m, đường kính 0,12m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 2,03m, đường kính 0,33m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,32m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,25m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường kính 0,24m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường

kính 0,22m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 4,98m, đường kính 0,52m; 01 (một) đoạn dài 3,3m, đường kính 0,35m.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây N đã xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 của bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 bị cáo N kháng cáo; ngày 14 tháng 12 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C kháng nghị; ngày 27 tháng 12 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N kháng nghị đối với bản án số: 67/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến C.

Tại bản án hình sự P thẩm số: 61/2019/HS-PT ngày 15-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây N đã xử: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây N, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 13-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây N đã xử:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N (Ly KeAg) 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

2. Về vật chứng: Trả lại cho Công ty TNHH Thiện P 13 đoạn gỗ Tràm Vàng có kích thước: 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,17m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 1,33m, đường kính 0,12m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 2,03m, đường kính 0,33m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,32m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,25m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường kính 0,24m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường kính 0,22m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 4,98m, đường kính 0,52m; 01 (một) đoạn dài 3,3m, đường kính 0,35m.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 và ngày 14 tháng 02 năm 2022 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo kêu oA.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu C kháng cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quaA điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N (Ly KeAg) 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oA. Đề nghị H đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: 13 đoạn gỗ tràm vàng là của chồng bị cáo thuê người trồng khi mua đất, năm 2017 ông T thuê người cắt cây bị cáo có làm đơn báo cho ông N (trưởng ấp). Trước khi chở 13 đoạn gỗ cây tràm đi Ah C có điện thoại báo cho ông S là công viên của ấp B biết. Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 20/6/2018 ghi khu nhà ở, lán trại do chồng bị cáo thuê người xây dựng nhưng biên bản kiểm tra hiện trường ngày 02/02/2021 có ghi dòng chữ nhỏ là (nơi đặt vị trí văn phòng công ty Phú Nông), bị cáo không thừa nhận nội D này do ghi thêm vào sau khi bị cáo ký tên vào biên bản. Ông T không cung cấp được hợp đồng do ông H thuê đất.

Công ty Phú Nông, T sở tại: ấp B, xã Tiên T từ năm 2010; Công ty Thiện P đăng ký lần đầu năm 2007, T sở tại ấp T Tây, xã Lợi T, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 31/7/2014 thì T sở chính mới dời về ấp B, xã Tiên T. Tòa án sơ thẩm cho rằng năm 2011 ông H thuê nhà tại Công ty Thiện P để làm văn phòng Công ty P Nông là không đúng. Tài sản của vợ chồng bị cáo, bị cáo không có hành vi lén lút khi lấy tài sản nên không phạm tội trộm cắp tài sản như án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo không trAh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: mong H đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về T tụng: trong quá trình điều tra, truy T, xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành T tụng và cơ quA tiến hành T tụng cấp sơ thẩm. Các hành vi, quyết định của người tiến hành T tụng và cơ quA tiến hành T tụng cấp sơ thẩm là hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[3] Xét yêu C kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Về tội dAh: bị cáo và người bào chữa cho rằng 13 đoạn cây gỗ trầm vàng, khối lượng 3,5m³ là của chồng bị cáo trồng trên đất của Công ty Phú Nông; ngày 19/6/2018, bị cáo điện thoại cho ông C dẫn đường cho ông T điều khiển xe ô tô cầu đến Công ty Thiện P vận chuyển 13 đoạn cây gỗ trầm vàng về trường dạy lái xe T Đ thuộc ấp A B, xã A Tịnh huyện Trảng Bàng (nay là khu phố A B, phường A Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây N); trước khi vận chuyển bị cáo kêu ông C điện thoại thông báo cho ông Trịnh Công S, Công A viên phụ trách ấp B, xã Tiên T biết nên hành vi của bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định. Khi mua đất T lập Công ty Thiện P thì trên đất có một số cây trầm vàng, nên ông T mua luôn với số tiền 2.000.000 đồng. Ông Mõng thừa nhận có bán cây trầm vàng nằm trên đất của Công ty Thiện P cho Ah T với giá 2.000.000 đồng (BL620). Đến tháng 9/2017 ông T thuê người cưa cây trầm vàng ra T nhiều đoạn để trong khuôn viên của Công ty Thiện P thì bị cáo điện thoại cho ông N (trưởng ấp B, xã Tiên T) đến lập biên bản đình chỉ. Ông N trình bày: *“Năm 2017 bà N điện thoại trình bày ông T cắt cây trầm tại công ty Phú Nông, yêu C ông đến đình chỉ. Do điện thoại nhiều lần, nên ông đến Công ty nơi bà N chỉ thì đó là công ty Thiện P. Ông thấy có nhiều đoạn gỗ trầm vàng để tại công ty Thiện P vừa cưa xuống khoảng vài ngày cùng với dấu gốc cây bị cắt tại phần đất của Công ty Thiện P nên ông đi về không lập biên bản. Ngày 01/11/2021 bà N đến nhà gặp ông nhờ xác nhận sự việc năm 2017 đến trình báo việc lấy cắp tài sản tại Công ty Phú Nông, do nhận thức và không hiểu rõ nên ông có xác nhận vào đơn”*.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20-6-2018 thể hiện: cách vị trí (1) nơi để xe ô tô về hướng Đ bắc 15,30m phát hiện 03 gốc cây trầm đã bị cưa (vị trí (2). Cách vị trí (2) về hướng Đ bắc 04m là vị trí 13 khúc gỗ trầm dưới nền đất, cách khu

nhà ở về hướng Đ là 7,70m. Tại biên bản kiểm tra hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 02-02-2021 bị N và ông T xác định: Khu đất Công ty Thiện P cách khu đất Công ty Phú Nông là 68m (BL 518, 520).

Như vậy, có đủ căn cứ xác định 13 khúc gỗ trầm vàng được cưa ra từ những cây trầm vàng trồng trên đất là của Công ty Thiện P, không phải trên đất của Công ty Phú Nông. Đất của Công ty Phú Nông nằm cách đất của Công ty Thiện P 68m. Bị cáo và người bào chữa cho rằng nguồn gốc 13 khúc gỗ trầm vàng là do vợ chồng bị cáo thuê người trồng khi mua đất là không có căn cứ để chấp nhận.

Theo các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Ngày 27/12/2007 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiện P (gọi tắt: Công ty Thiện P), được T lập đến năm 2014 dời T sở tại tổ 8, ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N, người đại diện theo pháp luật ông Trần Võ Lâm T. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất phân vi sinh Phú Nông (gọi tắt: Công ty Phú Nông) được T lập vào ngày 26/6/2009, địa chỉ T sở chính tại số 02, khu phố 2, thị trấn Bến C, huyện Bến C, tỉnh Tây N, người đại diện theo pháp luật ông Trần Văn Sáng, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2009 người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Văn H (ông Đỗ Văn H là Ah ruột của ông Đỗ Văn Lâm, ông Lâm là cha vợ của ông Trần Võ Lâm T). Đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 13/7/2010 thì Công ty Phú Nông dời T sở chính về ấp B, xã Tiên T, huyện Bến C, tỉnh Tây N. Ông Trần Văn Cửa (T viên công ty Phú Nông) trình bày “*Lúc T lập Công ty Thiện P có xây nhà ở cho vợ chồng ông C, sau ông C không ở nữa nên tôi đề nghị thuê phòng này đặc biệt hiệu Công ty Phú Nông*”. Tại biên bản kiểm tra hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 02-02-2021 (BL 518, 519, 520) bị N và ông T xác định: vị trí (4) phòng kích thước (12,20m x 5m) là nơi đặt văn phòng đại diện của Công ty Phú Nông. Tòa án sơ thẩm xác định ông H thuê nhà tại Công ty Thiện P để làm văn phòng Công ty Phú Nông là có căn cứ.

Bị cáo thừa nhận khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/6/2018, có điện thoại cho ông C dẫn đường cho ông T điều khiển xe ô tô cầu đến Công ty Thiện P vận chuyển 13 đoạn cây gỗ trầm vàng trường dạy lái xe T Đ thuộc xã A Tịnh huyện Trảng Bàng (nay là khu phố A B, phường A Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây N); trước khi vận chuyển gỗ bị cáo kêu ông C điện thoại thông báo cho ông Trịnh Công S, Công A viên phụ trách ấp B, xã Tiên T biết nên hành vi của bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản.

Xét thấy, tại biên bản đối chất ngày 19/3/2021 (BL 639) giữa ông Trịnh Công S và ông Phạm Vũ C xác định: ông C có thông báo cho ông S biết việc lấy Céc xe ô tô biển số: 52V-3007 về sửa chữa, còn việc vận chuyển 13 đoạn cây gỗ trầm vàng, công C không báo cho ông S biết.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định 13 đoạn cây gỗ trầm vàng, khối lượng 3,5m³ trị giá 5.250.000 đồng là của Công ty Thiện P; bị cáo thuê người đến để vận chuyển 13 đoạn cây gỗ trầm vàng đến phường A Tịnh, thị xã Trảng Bàng trong khi ông Nguyễn Văn Thường là người trông giữ tài sản cho ông T tại Công ty Thiện P không có mặt. Hành vi nêu trên của bị cáo là lén lút đối với chủ sở hữu để Cầm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oA.

[3.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã H, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị A tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3.3] Về hình phạt: khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản Cắm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi; bị cáo thừa nhận có lấy gỗ nhưng nghĩ đó là gỗ của chồng bị cáo có nghĩa là bị cáo khai báo T khản. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng và đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của H đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân T cao nên sửa bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận của H đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: bị cáo là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm là không đúng, nên sửa bản án sơ thẩm về án phí. Cần rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật T tụng hình sự.

2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 13-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây N.

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N (Ly KeAg) 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo thời giA thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án P thẩm. giao bị cáo cho Ủy bA nhân dân xã Tân A H, huyện Củ C, T phó Hồ Chí M giám sát, giáo dục trong thời giA thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời giA thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Về vật chứng: Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiện P 13 đoạn gỗ Tràm Vàng có kích thước: 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,17m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 1,33m, đường kính 0,12m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,2m; 01 (một) đoạn dài 2,03m, đường kính 0,33m; 01 (một) đoạn dài 1,24m, đường kính 0,32m; 01 (một) đoạn dài 1,2m, đường kính 0,25m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường kính 0,24m; 01 (một) đoạn dài 1,23m, đường kính 0,22m; 01 (một) đoạn dài 1,24m,

đường kính 0,18m; 01 (một) đoạn dài 4,98m, đường kính 0,52m; 01 (một) đoạn dài 3,3m, đường kính 0,35m.

3. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn tiền án phí.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TADTC);
- TADCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tây N;
- CQTHA hình sự huyện Bến C;
- CQĐT Công A huyện Bến C;
- TAD huyện Bến C;
- C cục THADS huyện Bến C;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây N;
- Phòng KTNV TAD tỉnh Tây N;
- Bị cáo; UBND xã Tân A H, huyện Củ C, TP HCM.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

